TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **802**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 20-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 2335/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc số 5486/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15321/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà số 137/5B đường Đ, khu phố Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà số 137/5B đường Đ, khu phố Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - Ông Nguyễn Hữu L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu L1 chung sống có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 69/2019 ngày

15/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do bà yêu cầu ly hôn vì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn không hợp tính nhau, quan điểm sống khác nhau. Nay bà cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L về hôn nhân, trong quá trình chung sống có mâu thuẫn nhỏ nhưng có thể khắc phục, ông vẫn còn tình cảm với bà L nên muốn tiếp tục hôn nhân, không đồng ý ly hôn với bà L.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 2335/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ các Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2019 ngày 15/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc L không còn giá trị.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/7/2022, Bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; điều chỉnh thông tin liên quan bị đơn trong hồ sơ vụ án; xử lý thẩm phán Trần Vũ T1 vì không thực hiện đúng quy định pháp luật, vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, ông Nguyễn Hữu L1 xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là đề nghị hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng; điều chỉnh thông tin liên quan bị đơn trong hồ sơ vụ án; đề nghị xử lý thẩm phán đã giải quyết vụ án ly hôn của ông và bà L ở cấp sơ thẩm, ông muốn được đoàn tụ với bà L.

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc L đề nghị được giữ nguyên bản án sơ thẩm là được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1 và xin xét xử vắng mặt bà tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L1 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L nộp đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L1 do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi xét xử sơ thẩm ông L1 kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, ông còn tình cảm với bà L nên xin được đoàn tụ, không ly hôn với bà L; Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm là được ly hôn với ông L1 do mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Việc ông Nguyễn Hữu L1 cho rằng cần hủy bản án sơ thẩm; điều chỉnh thông tin liên quan bị đơn trong hồ sơ vụ án; xử lý thẩm phán Trần Vũ T1 vì không thực hiện đúng quy định pháp luật, vi phạm tố tụng nhưng không có chứng cứ chứng minh và không thuộc phạm vi xét xử cấp phúc thẩm trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông L1 làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L1:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông L1 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có kháng cáo đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân là tự nguyện, các bên phải tôn trọng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, khi mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được thì các bên có quyền yêu cầu được ly hôn; Sau khi mâu thuẫn gia đình ông L1 và bà L xảy ra và cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết, đôi bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn tại cấp phúc thẩm và xin được xét xử vắng mặt đó là ý chí phù hợp pháp luật của các bên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Lời trình bày của ông L1 cho rằng cần hủy bản án sơ thẩm; điều chỉnh thông tin liên quan bị đơn trong hồ sơ vụ án; xử lý thẩm phán Trần Vũ T1 vì không thực hiện đúng quy định pháp luật, vi phạm tố tụng nhưng không có chứng cứ chứng minh và không thuộc phạm vi xét xử cấp phúc thẩm trong vụ án

này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L1. Do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông L1 không được chấp nhận nên ông L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L1.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 2335/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2019 ngày 15/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Hữu L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc L không còn giá trị.

- Về con chung : Không có

- Về tài sản chung : Không có

- Về nợ chung : Không có

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu số AA/2021/0024623 ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Nguyễn Hữu L1 chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0027831 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND thành phố T, TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- UBND phường P, thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (Linh/12b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

